



TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Hạ Long, ngày 25 tháng 4 năm 2025

Đức

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

STT	Tên tài liệu	Trang
1	Chương trình làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	3 - 4
2	Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	5 - 9
3	Báo cáo kết quả SXKD năm 2024; Mục tiêu, nhiệm vụ SXKD năm 2025	10 - 18
4	Báo cáo chi trả thù lao, phụ cấp, tiền lương HĐQT, BKS, BGĐ năm 2024; đề xuất thù lao, phụ cấp, tiền lương HĐQT, BKS, BGĐ năm 2025	19 - 20
5	Báo cáo Tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2024	21 - 24
6	Tờ trình về phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2024	25
7	Tờ trình về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan	26 - 27
8	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024, phương hướng nhiệm vụ năm 2025	28 - 32
9	Báo cáo đánh giá của BKS về kết quả SXKD và thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2024	33 - 35
10	Báo cáo hoạt động của BKS và đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty trong năm 2024	36 - 39
11	Tờ trình về lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2025	40
12	Tờ trình của HĐQT Công ty về việc: Ông Trần Quốc Tuấn thôi tham gia HĐQT	41 - 42
13	Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty	43 - 46
14	Báo cáo giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty	47 - 49
15	Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025	50 - 54
16	Phiếu đặt câu hỏi tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	55

Đức

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

STT	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
1	07h30-08h00	Kiểm tra tư cách cổ đông, phát thẻ biểu quyết, tài liệu cổ đông.	Ban kiểm tra tư cách: Lưu Anh Đức...
2	08h00-08h10	Ôn định tổ chức, chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu...	Trưởng phòng TCNS: Trương Văn Khoa
3	08h10-08h15	Cử thư ký, tổ giúp và bầu Ban kiểm phiếu Đại hội.	Chủ tịch HĐQT: Trần Tuấn Anh
4	08h15-08h20	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.	Trưởng ban: Nguyễn Tiến Nhung
5	08h20-08h30	(1) Trình bày Quy chế và Chương trình làm việc của Đại hội.	Thành viên HĐQT: Đặng Văn Ngong
		(2) Biểu quyết thông qua.	Chủ tịch HĐQT: Trần Tuấn Anh
6	08h30-09h30	(1) Báo cáo kết quả SXKD năm 2024; mục tiêu, nhiệm vụ SXKD năm 2025; (2) Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ năm 2024; đề xuất tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ năm 2025.	Thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty: Đoàn Đắc Thọ
		(3) Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2024; (4) Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024; (5) Tờ trình thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan.	Kế toán trưởng: Trương Thúy Mai
		(6) Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024, phương hướng nhiệm vụ năm 2025.	Thành viên HĐQT: Nguyễn Tuấn Dũng
		(7) Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về kết quả SXKD và thẩm định báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2024; (8) Báo cáo hoạt động của BKS và đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc trong năm 2024; (9) Tờ trình lựa chọn danh sách Công ty	Trưởng Ban Kiểm soát Vũ Thị Dung

STT	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
		kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2025.	
		(10) Đại hội thảo luận các báo cáo, tờ trình do Giám đốc Công ty, các thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Kế toán trưởng trình bày.	Các cổ đông
		(11) Biểu quyết thông qua.	Chủ tịch HĐQT: Trần Tuấn Anh
7	09h30-09h45	(1) Tờ trình của HĐQT về việc: Ông Trần Quốc Tuấn thôi là TV HĐQT.	Chủ tịch HĐQT: Trần Tuấn Anh
		(2) Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tịch HĐQT: Trần Tuấn Anh
8	09h45-10h15	(1) Trình bày Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT.	TB Kiểm phiếu Nguyễn Hòa Bình
		(2) Báo cáo giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử bầu bổ sung thành viên HĐQT.	Trưởng phòng TCNS Trương Văn Khoa
		(3) Biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử và chốt danh sách nhân sự ứng cử, đề cử bầu bổ sung thành viên HĐQT.	Chủ tịch HĐQT: Trần Tuấn Anh
		(4) Đại hội tiến hành bầu cử.	Các cổ đông
9	10h15-10h30	Nghỉ giải lao.	
10	10h30-10h35	Thông báo kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV.	TB Kiểm phiếu: Nguyễn Hòa Bình
11	10h35-10h50	Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội.	Thư ký Đại hội: Huỳnh Hữu Nam
		Biểu quyết thông qua.	Chủ tịch HĐQT: Trần Tuấn Anh
12	10h50-11h00	Bế mạc Đại hội.	Chủ tịch HĐQT: Trần Tuấn Anh

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, PGD, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Tuấn Anh

Số: 2449/QC-VNBC

Hạ Long, ngày 25 tháng 3 năm 2025

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2021; Căn cứ Biên bản, Nghị quyết họp HĐQT ngày 25/3/2025, Hội đồng Quản trị Công ty dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 gồm các nội dung sau:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin.

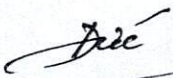
1.2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

1.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Điều 2. Điều kiện, quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

2.1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm đăng ký cuối cùng ngày 26/03/2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp.



2.2. Quyền của cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;

b) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

c) Được Ban Tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

d) Mỗi cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

e) Cổ đông, người được uỷ quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay người được uỷ quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy CMND hoặc Căn cước công dân..., Giấy uỷ quyền (đối với đại diện được uỷ quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

b) Trang phục lịch sự;

c) Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

e) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa Đại hội;

f) Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho Đại hội không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

g) Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội;

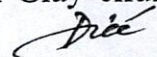
h) Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;

i) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

3.1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng



minh nhân dân hoặc Căn cước công dân, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp: Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết và các tài liệu khác liên quan;

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;

- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

3.2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

4.1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội và các thành viên HĐQT Công ty.

4.2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

4.3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều hành Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

4.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho Đại hội không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

- c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

4.5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

4.6. Chủ tọa có quyền cất ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

4.7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

4.8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Chương III

THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 5. Điều kiện tiến hành Đại hội

5.1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp quá 30 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội (được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông), mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

5.2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 6. Tiến hành Đại hội

6.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

6.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết.

6.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản, Nghị quyết Đại hội được thông qua.

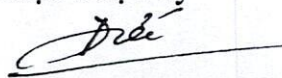
Điều 7. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự Đại hội khi phát biểu ý kiến phải đăng ký vào Phiếu đăng ký phát biểu ý kiến. Trong Phiếu đăng ký, cổ đông cần ghi rõ câu hỏi hoặc nội dung phát biểu. Phiếu đăng ký được chuyển lên Chủ tọa Đại hội để xử lý. Khi phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá 05 phút. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

Điều 8. Phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết, thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

8.1. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

8.2. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.



8.3. Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 được thực hiện bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và được Chủ tọa Đại hội công bố ngay tại Đại hội. Cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Đồng ý/ Không đồng ý/ Không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung và được xác thực bằng việc cổ đông đánh dấu vào 01 (một) trong 3 (ba) ô tương ứng (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) ghi trong Phiếu biểu quyết và nộp lại cho Ban tổ chức sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội

Trừ các nội dung ghi tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý tán thành.

Điều 10. Biên bản Đại hội

10.1. Nội dung diễn biến Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

10.2. Biên bản Đại hội được Đại hội thông qua trước khi bế mạc và được công bố thông tin, gửi đến các cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

10.3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua, gửi tới các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội bế mạc.

Điều 12. Hiệu lực thi hành của Quy chế

12.1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười hai (12) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

12.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CD, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty



Số: 2450 /BC-VNBC

Hạ Long, ngày 25 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2021;

Thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả SXKD năm 2024; mục tiêu, nhiệm vụ năm 2025 như sau:

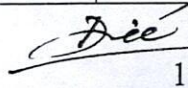
PHẦN I:

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Năm 2024, mặc dù Công ty đã gặp nhiều khó khăn (thời tiết bất lợi, mưa nhiều, thiệt hại nặng do hậu quả bão số 3; khả năng tiêu thụ của thị trường giảm; điều kiện địa chất phức tạp, biến động sai khác so với tài liệu ban đầu...) nhưng với sự đoàn kết thống nhất, tập thể lãnh đạo Công ty luôn ý thức được trách nhiệm; chấp hành tốt các quy chế, quy định, kỷ luật điều hành của Tập đoàn, đổi mới, sáng tạo trong lao động, học tập; Chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp thiết thực; gắn sản xuất với việc thực hành tiết kiệm, quản trị chi phí trong từng lĩnh vực, cải thiện môi trường làm việc, tăng năng suất lao động, do đó Công ty đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ SXKD Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD năm 2024

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
1	Đào lò tổng số	Mét	16.300	13.000	13.016	80	100
-	Lò XD CB	"	0	0	0	-	-
-	Lò CBSX	"	16.300	13.000	13.016	80	100
2	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	1.800	1.716	1.717	95	100
-	Than lộ thiên	"	0	0	0	-	-
-	Than hầm lò	"	1.800	1.630	1.631	91	100
-	Than thu hồi	"	0	86	86	-	100



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
3	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	1.674	1.689	1.693	101	100
-	Than sạch từ than NK	"	1.674	1.589	1.583	95	100
-	Than sạch từ ĐDLT	"	0	100	110	-	110
4	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	1.674	-	1.649	98	-
5	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	172	166	159	92	96
6	Doanh thu	Tỷ đồng	2.744	-	2.817	103	-
7	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	81	-	46,7	58	-
8	Lao động định mức	Người	3.320	-	3.190	96	-
9	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	18.242	-	17.765	97	-
10	Cổ tức	%	5	-	5	100	-

Chi tiết đánh giá các hoạt động SXKD của Công ty đề nghị Quý vị cổ đông xem tại Báo cáo thường niên năm 2024 được công bố trên các phương tiện thông tin của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, trang Web của Công ty.

PHẦN II:

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2025

I. MỤC TIÊU

1. Sản xuất theo định hướng của Tập đoàn; Sử dụng tối đa nguồn lực về tài nguyên, vốn kinh doanh, thiết bị, lao động; đảm bảo an toàn mọi mặt, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh doanh; tuân thủ pháp luật, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động; tăng cường áp dụng công nghệ mới, đảm bảo tiến độ đầu tư để có thiết bị phục vụ sản xuất kịp thời; Phấn đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

2. Không có tai nạn lao động nặng và sự cố thiết bị.

II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU SXKD CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Đào lò tổng số	Mét	14.800	
-	Lò CBSX	"	14.800	
2	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	1.900	
-	Than hầm lò	"	1.900	
3	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	1.767	

Đức

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
-	Than sạch từ than NK	"	1.767	
-	Than sạch từ SPNT	"	-	
4	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	1.767	
5	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	324,6	
6	Doanh thu tổng số	Tỷ đồng	2.729,8	
7	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	36,2	
8	Lao động định mức	Người	3.385	
9	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	19.912	
10	Cổ tức	%	≥ 5	

III. GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH KẾ HOẠCH SXKD

Ngoài việc thực hiện nghiêm các giải pháp chỉ đạo điều hành của Tập đoàn, của Đảng bộ Công ty, Công ty tổ chức thực hiện một số giải pháp trọng tâm sau:

1. Sản xuất, chế biến, tiêu thụ than

1.1. Sản xuất

- Bám sát sản xuất hàng tuần/tháng/quý, tổ chức xây dựng kế hoạch đào lò, sản xuất than, điều hành sản xuất hợp lý, bố trí đồng bộ thiết bị, phù hợp với mô hình sản xuất của Công ty; Chuẩn bị tốt điều kiện sản xuất, phấn đấu tăng năng suất lao động so với định mức.

- Thường xuyên cập nhật, theo dõi kết quả thực hiện kế hoạch sản lượng để bố trí thời gian làm việc, nghỉ ngơi hợp lý, hạn chế bố trí thiết bị làm việc trong điều kiện thời tiết hoặc diện sản xuất không thuận lợi.

- Công trường, Phân xưởng phối hợp với các phòng ban nghiên cứu kỹ kế hoạch giao nộp sản phẩm, kế hoạch khoán chi phí, năng suất lao động để chủ động cân đối, lập kế hoạch sản xuất hợp lý, bố trí lao động và thiết bị làm việc đạt và vượt năng suất, đảm bảo thu nhập cho người lao động, tiết kiệm chi phí.

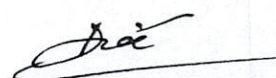
- Tập trung nghiên cứu, khảo sát kỹ điều kiện địa chất mỏ, qua đó ưu tiên lựa chọn khu vực phù hợp để áp dụng công nghệ khai thác cơ giới hóa đồng bộ.

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, đào tạo nâng cao trình độ tay nghề cho cán bộ quản lý kỹ thuật và công nhân khai thác.

- Quản trị các chỉ tiêu công nghệ: độ tro than nguyên khai sản xuất, tỷ lệ mét lò chống sắt, tỷ lệ mét lò đào trong đá, mét lò xén điều hành thấp hơn kế hoạch Tập đoàn giao.

- Không ngừng nâng cao năng lực, yêu cầu kỹ thuật trong công tác vận tải lò.

1.2. Sàng tuyển chế biến, chuẩn bị chân hàng



- Xây dựng cụ thể phương án sàng tuyển chế biến than sạch từ than nguyên khai qua từng hệ thống thiết bị ra các chủng loại than theo kế hoạch đã cân đối từ đầu năm và kế hoạch điều hành hàng tháng, quý của Tập đoàn; Điều hành tỷ lệ thu hồi than sạch không thấp hơn mức Tập đoàn giao.

- Tăng cường rà soát, tận thu than từ các hố lắng, nền kho nhằm tăng sản lượng than phục vụ công tác tiêu thụ, nâng cao hiệu quả SXKD.

1.3. Tiêu thụ sản phẩm

a) *Đối với than sạch*: Tăng cường quan hệ, phối hợp với các Ban của Tập đoàn, Công ty tuyển than Hòn Gai đẩy cao tiến độ tiêu thụ than ngay từ đầu năm; Xây dựng phương án chế biến, tiêu thụ than cám tốt, phân đầu tăng được giá bán than sạch bình quân.

b) *Đối với bùn thải, sản phẩm ngoài than*: Khi các đơn vị trong/ngoài TKV có nhu cầu và được TKV đồng ý bằng văn bản, Công ty sẽ triển khai các hồ sơ, thủ tục, ký hợp đồng mua/bán với khách hàng nhằm tận thu tối đa tài nguyên, giải phóng kho bãi, tăng doanh thu, dòng tiền phục vụ SXKD.

2. Nghiên cứu, đầu tư phát triển

2.1. Áp dụng công nghệ mới, cơ giới hóa, tự động hóa

- Đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa trong đào lò, khai thác than hầm lò, để tăng năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, giảm nguy cơ mất an toàn.

- Tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch và đầu tư đồng bộ các thiết bị, đồng thời đẩy nhanh tiến độ làm chủ các công nghệ, thiết bị phục vụ công tác đào lò; Thực hiện cơ giới hóa đào lò để giảm nhân công, tăng tốc độ.

- Triển khai đầu tư thực hiện các hệ thống tự động hóa tập trung cần thiết theo các chương trình hành động của Tập đoàn.

2.2. Tăng cường quản lý công tác đầu tư

Thực hiện các dự án đầu tư duy trì sản xuất theo kế hoạch được Tập đoàn và Hội đồng quản trị Công ty thông qua, đảm bảo tiến độ phục vụ sản xuất kịp thời.

2.3. Công tác thăm dò khảo sát

- Chủ động thực hiện các đề án đã được TKV phê duyệt; tổ chức lựa chọn đơn vị theo quy định.

- Tiếp tục bám sát Bộ Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng trữ lượng khoáng sản quốc gia để được phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi Giấy phép khai thác hầm lò số 1248/GP-BTNMT ngày 27/5/2015, làm cơ sở việc điều chỉnh Giấy phép khai thác hầm lò theo quy định.

- Hoàn thành: ⁽ⁱ⁾ Công tác khảo sát gồm quan trắc dịch động bờ mỏ, quan trắc tháp giếng, lập lưới khống chế hầm lò, quan trắc bề mặt địa hình, khảo sát địa hình phục vụ sản xuất theo định kỳ; ⁽ⁱⁱ⁾ Công tác khoan thăm dò phục vụ sản xuất để có thông tin về cấu trúc địa chất khu mỏ, kịp thời phục vụ sản xuất năm 2025 và các năm tiếp theo.



2.4. Công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật

Tiếp tục áp dụng có hiệu quả công tác cải tiến, sáng kiến kỹ thuật trong lao động sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3. Công tác Tổ chức - Lao động - Tiền lương

3.1. Công tác tổ chức, đào tạo

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại các khâu quản lý, phục vụ phụ trợ nhằm đổi mới cơ cấu lao động, tinh giản biên chế quản lý, phục vụ phụ trợ; chuẩn bị đủ về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất hầm lò.

- Xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp phù hợp với việc áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ 4.0.

- Tiếp tục ký kết hợp đồng ủy thác tuyển sinh, đào tạo thợ lò; xây dựng quy chế phối với Trường đào tạo nghề TKV; tổ chức các đoàn đi các tỉnh thành làm việc và tiếp cận nguồn nhân lực tại địa phương...

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác đào tạo lại cán bộ, công nhân sản xuất lộ thiên để phục vụ khai thác hầm lò. Tuyển dụng lao động chất lượng cao, nâng cao chất lượng nhân sự làm công tác quản lý.

- Xây dựng các đòn bẩy kinh tế, chế độ chính sách để thu hút, giữ chân lao động hầm lò; bố trí, tổ chức sản xuất hợp lý, tiếp tục thực hiện xã hội hóa các khâu phục vụ nhằm giảm sức ép về lao động.

3.2. Lao động, tiền lương

- Cân đối đủ việc làm cho người lao động; Tổ chức sản xuất, bố trí lao động làm việc, nghỉ ngơi hợp lý; Tăng cường kiểm tra, giám sát và giáo dục người lao động thực hiện nghiêm quy trình, quy phạm, nội quy lao động.

- Hoàn thiện cơ chế tiền lương, tiền thưởng và các cơ chế khuyến khích hợp lý cho người lao động nhằm tạo động lực, tăng năng suất, hạ giá thành.

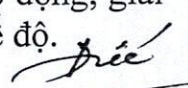
- Quản lý, điều hành quỹ tiền lương phù hợp với khối lượng công việc tự làm, đảm bảo năng suất và tiền lương bình quân đạt hoặc vượt mức Tập đoàn giao; tiếp tục thực hiện nghiêm những yêu cầu, chỉ đạo của Tập đoàn.

3.3. Chăm lo đời sống người lao động

- Thực hiện nghiêm công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường; sử dụng triệt để nước lọc tinh khiết để phục vụ nấu ăn và nước uống tại các nhà ăn của Công ty.

- Người lao động đi làm được hưởng tiêu chuẩn ăn giữa ca đảm bảo đủ định lượng và chất lượng; thực hiện chế độ bồi dưỡng nguy hiểm độc hại bằng hiện vật cho người lao động; quan tâm hỗ trợ người lao động hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Đàm phán, ký Hợp đồng với các Bệnh viện có uy tín để nâng cao chất lượng khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp, khám chuyên khoa cho lao động nữ; tổ chức tốt công tác phòng chống dịch bệnh cho người lao động; giải quyết cho người lao động nghỉ điều dưỡng đảm bảo chất lượng theo chế độ.



- Đẩy mạnh phong trào thi đua, tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, thể thao phục vụ đời sống tinh thần cho người lao động, chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, của ngành và của Công ty.

4. Quản trị chi phí, quản trị nội bộ

- Tiếp tục thực hiện tiết giảm chi phí; khoán sản phẩm và chi phí cho các đơn vị sản xuất, giao quản trị chỉ tiêu công nghệ và chi phí SXKD cho các phòng ban; hàng tuần cảnh báo các đơn vị thực hiện vượt định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu, có nguy cơ bội chi so với mức Công ty giao khoán; hàng tháng/quý kiểm tra kết quả thực hiện khoán quản trị chi phí cho các đơn vị, phòng ban làm cơ sở bình xét thi đua và thanh toán tiền lương cho bộ phận quản lý.

- Định kỳ trước ngày 25 hàng tháng Công ty tổ chức họp giao kế hoạch sản xuất giao nộp sản phẩm cho các đơn vị sản xuất trong hầm lò, cùng với đó là nhu cầu sử dụng lao động, vật tư thiết bị, chi phí tiền lương để thực hiện công việc.

- Tiếp tục tổ chức giao khoán một số hạn mức chi phí để các đơn vị chủ động trong sản xuất.

- Tăng cường quản lý dòng tiền, tối ưu hoá các hoạt động tài chính để giảm chi phí lãi vay, nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính; đảm bảo hệ số nợ phải trả không cao hơn kế hoạch TKV giao.

- Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả, chất lượng công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của Nhà nước, Tập đoàn và Công ty trong mọi lĩnh vực liên quan đến hoạt động SXKD nhằm chủ động, phòng ngừa kịp thời các sơ hở, thiếu sót, không để xảy ra sai phạm hoặc vi phạm pháp luật; công tác kiểm tra giám sát gắn liền với hướng dẫn hỗ trợ.

- Các Công trường, Phân xưởng chủ động xây dựng chương trình hành động, các giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động; có kế hoạch tự kiểm tra giám sát, nâng cao trách nhiệm cho từng cá nhân quản lý.

5. Công tác Cơ điện - Vận tải

- Giám sát chặt chẽ hoạt động của các hệ thống thiết bị: Giếng đứng, hầm bơm trung tâm mức -350, monoray nền, vận tải chính đảm bảo hoạt động ổn định.

- Tăng cường quản lý vật tư bằng hệ thống định mức và hạn mức chi phí, theo đó: tập trung các biện pháp quản lý định mức đảm bảo các thiết bị hoạt động năng suất, hiệu quả so với khoán chi phí của Công ty; thường xuyên theo dõi cập nhật việc thực hiện định mức của thiết bị để phân tích đánh giá và tìm biện pháp khắc phục hoặc điều chỉnh phù hợp với thực tế; việc lập nhu cầu phải đi trước một bước, trên cơ sở đánh giá đúng tình trạng kỹ thuật thiết bị.

- Tập trung củng cố kỹ thuật thiết bị, đặc biệt là tình trạng an toàn thiết bị; chú trọng công tác kiểm tra kỹ thuật an toàn nhằm ngăn chặn tai nạn đáng tiếc xảy ra; chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp đảm bảo kỹ thuật, giảm chi phí sản xuất.

- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý kỹ thuật, vận hành, hồ sơ lý lịch thiết bị, không ngừng nghiên cứu các giải pháp tích cực nâng cao chất lượng kỹ thuật thiết bị hiện có, nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị; Niêm cất, thanh lý các thiết bị cũ không còn hiệu quả, quản lý tốt thiết bị mới được đầu tư; nâng cao chất lượng công tác tự sửa chữa thiết bị; tổ chức đánh giá hiệu quả thiết bị sau sửa chữa lớn.

- Triển khai thực hiện tốt chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, theo đó: Tổ chức sản xuất bố trí thiết bị hoạt động hợp lý đồng bộ nâng cao năng suất ca, bố trí các thiết bị bơm nước vận hành tối đa vào thời điểm giá thấp, giá trung bình, nâng cao hiệu suất bơm, khoán điện năng tiêu thụ cho khâu sàng tuyển, bơm nước, tăng cường kiểm tra giám sát việc sử dụng điện hợp lý, tiết kiệm kiên quyết không để các biên áp non tải; sử dụng các thiết bị điều hòa, quạt đèn hợp lý, thực hiện kiểm tra hiệu chỉnh thiết bị đúng theo quy chuẩn Quốc gia.

- Tiếp tục đào tạo tại chỗ số cán bộ, công nhân có trình độ chuyên môn phù hợp, tổ chức lựa chọn các kỹ sư có trình độ chuyên môn phù hợp cử đi đào tạo tự động hoá, tin học hoá tại các trường Đại học lớn để về phục vụ Công ty.

- Rà soát hiệu chỉnh, xây dựng bổ sung các quy trình, quy định phục vụ trong công tác quản lý cơ điện vận tải phù hợp với quy định hiện hành.

- Áp dụng cơ giới hóa vào các khâu trong sản xuất nhằm đẩy nhanh tiến độ đào lò, tăng năng suất lao động (Dây chuyền đào lò sử dụng tời cào 2 tang kết hợp với băng tải tang rót tải liên động cơ).

- Áp dụng tối đa công tác tin học hóa vào quản lý thiết bị.

6. Công tác quản lý vật tư

- Tiếp tục tổ chức thực hiện theo quy chế, quy định của Tập đoàn và Công ty đã ban hành và các văn bản điều chỉnh bổ sung trong quá trình thực hiện.

- Trên cơ sở yếu tố chi phí vật liệu được cân đối theo giá thành công đoạn của Tập đoàn, tổ chức xây dựng kế hoạch sử dụng đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với định mức kinh tế kỹ thuật Công ty ban hành.

- Tiếp tục triển khai lập các đơn hàng mua sắm theo tháng, quý.

- Nghiên cứu sử dụng các vật tư, hàng hóa trong nước có thể thay thế các vật tư, hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài.

- Áp dụng bộ mã vật tư để quản lý theo chỉ đạo của Tập đoàn; Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ chất lượng vật tư trước khi nhập kho; đơn vị trực tiếp sử dụng có trách nhiệm kiểm tra chất lượng, quy cách vật tư trước khi lĩnh ra khỏi kho, có quyền từ chối nếu vật tư không đảm bảo chất lượng, quy cách; đối với vật tư có yêu cầu bảo hành, thử nghiệm đơn vị sử dụng phải tổ chức theo dõi cập nhật vào sổ rõ ràng làm cơ sở đánh giá chính xác chất lượng vật tư sử dụng.

- Cân đối hạn mức tồn kho vật tư cuối năm $\leq 6\%$ nhu cầu sử dụng trong kỳ.

- Thu hồi tối đa vật tư đã qua sử dụng; Tổ chức phân loại, sàng lọc thu hồi các vật tư có thể tái sử dụng để sử dụng ngay hoặc mang gia công chế tạo phục vụ sản xuất, tránh lãng phí các nguồn lực có thể huy động tại chỗ.

7. Công tác an toàn - An ninh trật tự

7.1. Công tác an toàn

Thông báo công khai định kỳ hoặc đột xuất nhận dạng nguy cơ mất an toàn trong sản xuất để người lao động phòng tránh; Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình, quy phạm tại các khâu sản xuất; Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm an toàn; Duy trì huấn luyện an toàn cho CBCN theo quy định; Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động mạng lưới AT-

VSV; tuyên truyền, giáo dục người lao động thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, quy phạm an toàn; triển khai thực hiện tốt kế hoạch an toàn VSLĐ, phòng chống cháy nổ; đảm bảo tuyệt đối an toàn trong quá trình sản xuất.

7.2. Công tác an ninh trật tự

Tăng cường quản lý an ninh trật tự thông qua hệ thống Camera giám sát ANTT tại các trạm kiểm soát, khai trường, kho than và kho vật tư; tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát ranh giới mỏ, kiên quyết bảo vệ tài nguyên, không để xảy ra tình trạng khai thác, vận chuyển, chế biến, tiêu thụ than trái phép trong ranh giới mỏ Công ty quản lý; thực hiện nghiêm quy trình bảo vệ tiêu thụ than; phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tốt các phương án bảo vệ sản xuất, bảo vệ tài sản, tài nguyên; Chấp hành và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc mọi Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên về công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội.

8. Hoàn nguyên, bảo vệ môi trường

8.1. Công tác hoàn nguyên

- Tiếp tục thực hiện các nội dung của Đề án đóng cửa mỏ lộ thiên đã được các Bộ, Ngành phê duyệt.

- Tiếp tục thực hiện việc trồng cây, cải tạo phục hồi môi trường tại khu vực moong cánh Tây (khu vực đã được san lấp moong đến mức thoát nước tự chảy) theo Dự án cải tạo phục hồi Môi trường đã được phê duyệt.

8.2. Bảo vệ môi trường

Kiểm soát chặt chẽ các nguồn chất thải gây ô nhiễm môi trường, tăng cường công tác phòng ngừa sự cố môi trường. Tiếp tục làm tốt công tác môi trường khu dân cư khu vực giáp ranh, cải tạo cảnh quan môi trường nơi làm việc đảm bảo xanh, sạch, đẹp; duy trì tưới nước dập bụi trong ngày bằng hệ thống phun sương và xe trên các tuyến đường vận tải, khu vực chế biến và kho chứa than; giám sát Công ty môi trường xử lý nước thải công nghiệp đảm bảo tiêu chuẩn trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

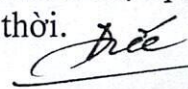
9. Tổ chức thực hiện

Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp điều hành Kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty được phổ biến rộng rãi đến người lao động, vì vậy:

- Các Phó Giám đốc Công ty căn cứ vào phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc để triển khai thực hiện các giải pháp điều hành bằng các văn bản cụ thể, đảm bảo thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đề ra.

- Các đơn vị, phòng ban trong Công ty tuyên truyền cho CBCNV hiểu rõ các mục tiêu, nhiệm vụ Tập đoàn và Công ty đề ra; chủ động xây dựng chương trình hành động, biện pháp quản lý điều hành cụ thể, nhằm tiết kiệm chi phí, tổ chức giao khoán chi phí đến từng thiết bị, tổ sản xuất và người lao động theo định hướng ở đâu phát sinh chi phí, ở đó được giao khoán và quản trị.

- Hàng quý Công ty tổ chức kiểm điểm, đánh giá kết quả triển khai thực hiện giải pháp điều hành. Bởi vậy, trong quá trình triển khai các đơn vị, phòng ban phải thường xuyên cập nhật, theo dõi báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất biện pháp giải quyết những vướng mắc với Công ty để chỉ đạo điều hành kịp thời.



Xin trân trọng báo cáo trước Đại hội./ *Đức*

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- Giám đốc, các PGĐ (ecopy);
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy);
- Các cổ đông Công ty;
- P. ĐK (Đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty *Đ*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT- GIÁM ĐỐC**



Đoàn Đức Thọ

Số 2451/BC-VNBC

Hạ Long, ngày 25 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
Về việc: Chi trả tiền lương, thù lao, phụ cấp
của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc Công ty

1. Tiền lương, thưởng thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2024:

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin;

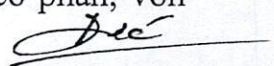
Căn cứ Nghị quyết và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2024. Mức tiền lương, thù lao, phụ cấp của HĐQT, BKS, BGĐ Công ty năm 2024 được chi trả như sau:

STT	Chức vụ	Nghị quyết Đại hội				Kết quả thực hiện Nghị quyết				So sánh %
		Số người (BQ)	Tổng số (Trđ)	<u>Trong đó:</u>		Số người (BQ)	Tổng số (Trđ)	<u>Trong đó:</u>		
				Tiền lương	Thù lao, phụ cấp			Tiền lương	Thù lao, phụ cấp	
1	HĐQT	5,0	506,4		506,4	5,0	506,4		506,4	100
-	Chủ tịch	1,0	64,8		64,8	1,0	64,8		64,8	100
-	TV HĐQT	4,0	441,6		441,6	4,0	441,6		441,6	100
2	Ban kiểm soát	3,0	168,0		168,0	3,0	168,0		168,0	100
-	TB KS	1,0	57,6		57,6	1,0	57,6		57,6	100
-	TV BKS	2,0	110,4		110,4	2,0	110,4		110,4	100
3	Ban Giám đốc	6,0	2.835,6	2.835,6		5,9	2.460,1	2.460,1	-	87
-	Giám đốc	1,0	530,4	530,4		1,0	468,0	468,0	-	88
-	PGĐ	4,0	1.876,8	1.876,8		3,9	1.614,1	1.614,1	-	86
-	KTT	1,0	428,4	428,4		1,0	378,0	378,0	-	88
	Cộng	14,0	3.510,0	2.835,6	674,4	13,9	3.134,5	2.460,1	674,4	89

2. Mức tiền lương, thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ năm 2025:

Căn cứ Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Kế hoạch SXKD của Công ty năm 2025, HĐQT Công ty đề nghị thực hiện: (i) Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn



góp chi phối của Nhà nước; (ii) Công văn số 6636/TKV-KH ngày 26/11/2024 của TKV; (iii) Quyết định số 1471/QĐ-TKV ngày 14/8/2024 của TKV; (iv) Quyết định số 1803/QĐ-TKV ngày 28/12/2021 của TKV; (v) Quyết định số 8608/QĐ-VNBC ngày 24/11/2020 của HĐQT để xây dựng mức lương, mức thù lao, phụ cấp HĐQT, BKS, BGĐ Công ty năm 2025 như sau:

STT	Chức vụ	Số người	Tổng số (Trđ)	Trong đó		
				Tiền lương	Thù lao	Phụ cấp
1	Hội đồng quản trị	5	506,4	-	230,4	276,0
-	Chủ tịch HĐQT	1	64,8		64,8	
-	TV HĐQT	3	165,6		165,6	
-	TV HĐQT độc lập	1	276,0			276,0
2	Ban kiểm soát	3	168,0	-	168,0	-
-	TB kiểm soát	1	57,6		57,6	
-	Thành viên BKS	2	110,4		110,4	
3	Ban Giám đốc	6	2.502	2.502		
-	Giám đốc	1	468	468		
-	Phó Giám đốc	4	1.656	1.656		
-	Kế toán trưởng	1	378	378		
	Cộng	14	3.176,4	2.502	398,4	276,0

• **Phương thức chi trả:**

- Tiền lương, thù lao, phụ cấp tháng = Tiền lương, thù lao... năm /12 tháng;
- Hàng tháng các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ Công ty được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao, phụ cấp tháng; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Phòng ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Tuấn Anh

Số: 2452/BC-VNBC

Hạ Long, ngày 25 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 28 tháng 4 năm 2021;

Thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo tóm tắt một số chỉ tiêu chính trong báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán như sau:

Phần thứ nhất:
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2024	01/01/2024
A	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	2.570.220.921.022	2.629.770.311.097
A1	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.054.753.257.675	849.067.130.006
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.621.963.053	3.277.157.042
1	Tiền	111	6.621.963.053	3.277.157.042
II	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	832.116.958.051	708.287.043.878
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	827.512.822.794	703.597.142.637
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	4.604.135.257	4.689.901.241
III	Hàng tồn kho	140	182.283.268.397	74.930.295.642
1	Hàng tồn kho	141	182.283.268.397	74.930.295.642
IV	Tài sản ngắn hạn khác	150	33.731.068.174	62.572.633.444
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	33.687.102.154	40.781.422.627
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.833.781.421
3	Thuế và các khoản phải thu của nhà nước	153	43.966.020	1.957.429.396

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2024	01/01/2024
A2	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1.515.467.663.347	1.780.703.181.091
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	90.124.991.388	87.022.987.214
1	Phải thu dài hạn khác	216	90.124.991.388	87.022.987.214
II	Tài sản cố định	220	1.272.126.938.298	1.574.224.787.457
1	Tài sản cố định hữu hình	221	1.272.126.938.298	1.574.224.787.457
-	Nguyên giá	222	4.883.173.666.935	4.838.960.926.171
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(3.611.046.728.637)	(3.264.736.138.714)
2	Tài sản cố định vô hình	227		
-	Nguyên giá	228	396.933.150	396.933.150
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(396.933.150)	(396.933.150)
III	Tài sản dở dang dài hạn	240	88.175.797.748	73.145.300.681
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	88.175.797.748	73.145.300.681
IV	Đầu tư tài chính dài hạn	250		
V	Tài sản dài hạn khác	260	65.039.935.913	46.310.105.739
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	26.335.227.123	7.605.396.949
2	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		38.704.708.790	38.704.708.790
B	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	2.570.220.921.022	2.629.770.311.097
B1	NỢ PHẢI TRẢ	300	2.044.776.838.946	2.053.069.150.137
I	Nợ ngắn hạn	310	1.898.554.094.297	1.650.885.577.768
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	487.419.359.235	421.047.915.894
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	628.768.284	101.586.165
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	116.036.433.820	30.749.405.360
4	Phải trả người lao động	314	113.967.684.863	197.488.000.783
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	111.850.960	98.140.500
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	212.642.050.874	12.289.976.777
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	927.630.306.698	979.989.394.338
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	40.117.639.563	9.121.157.951
II	Nợ dài hạn	330	146.222.744.649	402.183.572.369
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	146.222.744.649	402.147.206.069
2	Dự phòng phải trả dài hạn	342		36.366.300

Đức

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			31/12/2024	01/01/2024
B2	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	525.444.082.076	576.701.160.960
I	Vốn chủ sở hữu	410	525.428.996.898	576.686.075.782
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	369.991.240.000	369.991.240.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	(193.650.000)	(193.650.000)
3	Quỹ đầu tư phát triển	418	78.241.781.617	71.713.950.044
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	77.295.734.244	135.080.644.701
5	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	93.891.037	93.891.037
II	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430	15.085.178	15.085.178
1	Nguồn kinh phí	431	15.085.178	15.085.178

Phần thứ hai:
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: Đồng

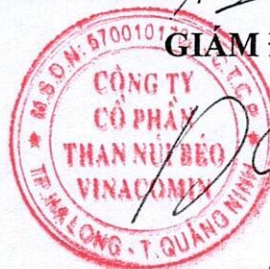
STT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			Năm 2024	Năm 2023
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.804.842.053.734	3.251.793.343.838
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	2.804.842.053.734	3.251.793.343.838
3	Giá vốn hàng bán	11	2.523.232.764.544	2.799.184.932.576
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	281.609.289.190	452.608.411.262
5	Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.678.163.193	2.610.974.575
6	Chi phí tài chính	22	74.118.960.761	135.061.540.203
7	Chi phí bán hàng	25	17.992.765.321	22.705.527.783
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	151.282.351.955	177.320.914.103
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	40.893.374.346	120.131.403.748
10	Thu nhập khác	31	9.062.235.396	7.753.165.035
11	Chi phí khác	32	3.229.698.698	1.999.857.613
12	Lợi nhuận khác	40	5.832.536.698	5.753.307.422
13	Tổng lợi nhuận trước thuế	50	46.725.911.044	125.884.711.170
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	37.092.704.472	104.108.494.695

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Mốc thời gian	
			Năm 2024	Năm 2023
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.003	2.814

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CD, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- P. ĐK (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty



GIÁM ĐỐC

Đoàn Đặc Thọ